TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2024
V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị L sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà L có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn là bà Đặng Thị L trình bày:*

Bà Đặng Thị L và ông Lê Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh V (nay là Thành phố H). Quá trình chung sống, bà L và ông Q thường phát sinh mâu thuẫn, do ông Q có mối quan hệ ngoại tình, không tôn trọng yêu thương bà L. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, bà L và ông Q không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nên bà L yêu cầu Toà án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Q.

Bà L và ông Q có hai con chung là Lê Xuân T sinh ngày 07/12/2003 và Lê Xuân T1 sinh ngày 23/12/2007. Sau khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Xuân T1 đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lê Xuân T đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung của vợ chồng, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 18/10/2023, bị đơn là ông Lê Văn Q trình bày:*

Ông Q và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn như bà L trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do bất đồng quan điểm, lối sống, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông Q và bà L không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nên ông Q chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của bà L, ông Q đồng ý ly hôn với bà L.

Ông Q và bà L có hai người con chung như bà L trình bày. Sau khi ly hôn, ông Q chấp nhận yêu cầu của bà L, đồng ý giao con Lê Xuân T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con Lê Xuân T đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 31 tháng 10 năm 2023, anh Lê Xuân T1 trình bày như sau:*

Anh T1 là con ông ông Lê Văn Q và bà Đặng Thị L. Anh T1 đang học lớp 11, trường Trung học phổ thông N, huyện M. Nếu Tòa án giải quyết cho bà L và ông Q ly hôn, nguyện vọng của anh T1 được bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, nguyên đơn bà L chấp hành đúng theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Q không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L. Xử cho bà L được ly hôn với ông Q; Giao cho bà L nuôi con Lê Xuân T1 sinh ngày 23/12/2007, đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Nguyên đơn bà Đặng Thị L khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, đây là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn". Bị đơn ông Lê Văn Q có nơi cư trú

tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Lê Văn Q vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 2003 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh V (nay là Thành phố H). Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau, bà L và ông Q phát sinh mâu thuẫn, ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Q có hai con chung như ông bà đã trình bày. Đối với Lê Xuân T đã trên 18 tuổi, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Lê Xuân T1 sinh ngày 23/12/2007, bà L và ông Q thống nhất, khi ly hôn, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Mặt khác, cháu T1 cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con, HĐXX cần giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đặng Thị L được ly hôn với ông Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao con Lê Xuân T1 sinh ngày 23 tháng 12 năm 2007 cho bà Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Bà Đặng Thị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí DSST về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000622 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án HNGĐ - ST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án HNGĐ-ST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thế Dương

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
-UBND xã Tráng Việt, huyện Mê Linh Thành phố Hà Nội;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.